

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ




VINAMARINE

QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN
NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH

	MÃ SỐ	:	QT.PC.02	
	LẦN BAN HÀNH	:	01	
	NGÀY BAN HÀNH	:	10/02/2015	
	TRANG	:	1/20	

--	--	--	--

	BIÊN SOẠN	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ tên	<i>Trịnh Quốc Dân</i>	<i>Võ Minh Tiến</i>	<i>Lê Minh Kháng</i>
Chức danh	Trưởng phòng	Đại diện lãnh đạo	Giám đốc

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 3/20</p>
---	--	---

1. MỤC ĐÍCH


Quy trình này thống nhất các tài liệu, biểu mẫu, trình tự công việc thủ tục cho tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh vào vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, nhằm nâng cao trách nhiệm của viên chức cảng vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục và góp phần vào chương trình cải cách hành chính nhà nước ngày càng hiệu quả hơn.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với viên chức Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Ban Giám đốc, người làm thủ tục, doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ hàng hải, các tổ chức và cá nhân liên quan trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài nhập cảnh vào vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Luật hàng hải Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính ban hành ngày 20/6/2012;
- Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;
- Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa;
- Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;
- Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;
- Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;
- Quyết định số 54/2005/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về ban hành danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển và tàu công vụ Việt Nam;
- Quyết định số 22/QĐ-CVHHCT ngày 04/12/2007 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ ban hành Nội quy các cảng biển thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long;
- Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p style="text-align: center;">QUY TRÌNH</p> <p style="text-align: center;">TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 4/20</p>
---	--	---

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

4.1 Định nghĩa và giải thích từ ngữ:

a) Định nghĩa: Không áp dụng.

b) Giải thích từ ngữ:

- Người có thẩm quyền: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách, người được ủy quyền.

- Người làm thủ tục: là Chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được uỷ quyền.

- Trục ban cảng vụ là viên chức pháp chế tại nơi tiến hành thủ tục, là người được Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Đại diện phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

- Giấy phép rời cảng là văn bản do Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi tàu thuyền rời cảng cuối cùng cấp hoặc xác nhận.

- Tàu thuyền nhập cảnh là bao gồm tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ và các phương tiện thủy khác hành trình từ một quốc gia nào đó vào vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

- Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển là gồm các cơ quan như Hải quan cửa khẩu cảng Cần Thơ, Công an cửa khẩu cảng Cần Thơ, Kiểm dịch y tế Thành phố Cần Thơ...

4.2 Chữ viết tắt:

- BLHHVN: Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 16/4/2005;

- NĐ21: Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012;

- TT10: Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08/5/2013;

- CVHHCT: Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;

- KHĐĐ: Kế hoạch điều động tàu thuyền;

- AT-TTHH: An toàn - Thanh tra hàng hải.



VINAMARINE
CẢNG VỤ HÀNG HẢI
CẦN THƠ


QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU
THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH

MS: QT.PC.02
Lần ban hành: 01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 5/20

5. NỘI DUNG

5.1 Lưu đồ:

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Tài liệu, biểu mẫu liên quan
Bước 1	Trực ban cảng vụ	<pre> graph TD A([Tiếp nhận và xử lý thông tin tàu thuyền nhập cảnh]) </pre>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Điều 50, 51, 52, NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 01-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 25-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 26-NĐ21
Bước 2.	Người được ủy quyền	<pre> graph TD B[Chỉ định vị trí neo đậu cho tàu thuyền nhập cảnh vào cảng] </pre>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Điều 53, NĐ21 -BM.PC.02-Mẫu KHĐĐ
Bước 3	Trực ban cảng vụ	<pre> graph TD C[Thông báo các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển] </pre>	Theo Điều 53, NĐ21.
Bước 4	Trực ban cảng vụ/ Phòng AT-TTHH	<pre> graph TD D[Kiểm tra hồ sơ và tiến hành thủ tục tàu thuyền nhập cảnh] D --> E[Xử lý vi phạm hành chính] D --> F[Hồ sơ hợp lệ] D --> G[Hồ sơ chưa hợp lệ] </pre>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Điều 54, NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 02-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 03-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 04-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu 05-NĐ21 - BM.PC.02.Mẫu - NĐ21.
Bước 5	Trực ban cảng vụ	<pre> graph TD H[Lưu hồ sơ] </pre>	<p>Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ.</p>

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p style="text-align: center;">QUY TRÌNH</p> <p style="text-align: center;">TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 6/20</p>
---	--	---

5.2 Thuyết minh lưu đồ

5.2.1. Bước 1: Tiếp nhận và xử lý thông tin tàu thuyền nhập cảnh

- Trục ban cảng vụ tiếp nhận thông báo tàu đến (BM.PC.02.Mẫu 01-NĐ21), Bản khai an ninh tàu biển (BM.PC.02.Mẫu 02-NĐ21) qua Email, fax từ người làm thủ tục, sau đó kiểm tra, đảm bảo các thông tin phải đầy đủ và ghi lên Bảng dự báo tàu đến; nếu nhận qua điện thoại, liên lạc kênh 16 VHF thì ghi nhận thông tin tàu thuyền đến cảng vào Sổ nhật ký trục ban pháp chế.

- Trục ban cảng vụ kiểm tra xem tàu thuyền đó có các thông số kỹ thuật có phù hợp với công bố bến cảng không. Nếu không phù hợp, Trục ban cảng vụ báo cáo Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Đại diện xem xét, xin ý kiến chỉ đạo của Người có thẩm quyền.

- Đối với tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù theo Điều 50, NĐ21 thì Trục ban cảng vụ yêu cầu người làm thủ tục xuất trình giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và báo cáo Trưởng phòng Pháp chế xem xét.

- Sau khi nhận được xác báo tàu đến cảng của người làm thủ tục, Trục ban cảng vụ thông báo ngay cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết, để phối hợp và chỉnh sửa thông tin tàu qua Cổng thông tin thủ tục tàu biển dùng chung, cập nhật thông tin lên Bảng dự báo tàu đến.

5.2.2. Bước 2: Chỉ định vị trí neo đậu cho tàu thuyền nhập cảnh vào cảng

Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi nhận được xác báo tàu đã đến vị trí đón trả hoa tiêu, người được ủy quyền chỉ định vị trí neo đậu cho tàu thuyền nhập cảnh vào cảng theo KHĐĐ (BM.PC.02-Mẫu KHĐĐ) đã được Người có thẩm quyền phê duyệt.

5.2.3. Bước 3: Thông báo các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển


Sau khi tàu thuyền nhập cảnh đã neo đậu an toàn tại cảng, Trục ban cảng vụ thông báo cho các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết vị trí tàu và thời gian thủ tục nhập cảnh theo quy định.

5.2.4. Bước 4: Kiểm tra hồ sơ và tiến hành thủ tục tàu thuyền nhập cảnh

Địa điểm làm thủ tục: tại Phòng làm thủ tục tàu xuất nhập hoặc Văn phòng đại diện của CVHHCT.

Thời hạn làm thủ tục của Cảng vụ hàng hải: không quá 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định.

Hồ sơ thủ tục gồm có:

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 7/20</p>
---	--	---

a) Các giấy tờ phải nộp bao gồm (bản chính):

- 01 bản khai chung: BM.PC.02.Mẫu 03-NĐ21;
- 01 danh sách thuyền viên: BM.PC.02.Mẫu 04-NĐ21;
- 01 danh sách hành khách (nếu có): BM.PC.02.Mẫu 05-NĐ21;
- 01 bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có): BM.PC.02.Mẫu 07-NĐ21;
- Giấy phép rời cảng;
- Bản khai an ninh tàu biển: BM.PC.02.Mẫu 02-NĐ21.

b) Các giấy tờ phải xuất trình bao gồm (bản chính):

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;
- Các giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật của tàu theo quy định;
- Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên theo quy định;
- Sổ thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu về ô nhiễm môi trường, nếu là tàu chuyên dùng vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác;
- Giấy chứng nhận an ninh tàu biển theo quy định.


Trực ban cảng vụ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ tàu thuyền nhập cảnh. Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người làm thủ tục bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Quá trình làm thủ tục cho tàu thuyền nhập cảnh, nếu Trực ban cảng vụ phát hiện hành vi vi phạm việc chấp hành các quy định về Nội quy cảng biển, pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết thì tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, báo cáo Trưởng phòng Pháp chế xem xét, trình Người có thẩm quyền giải quyết.

Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định và sau khi được các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển thông báo người làm thủ tục đã hoàn thành thì Trực ban cảng vụ duyệt cho tàu vào cảng qua Cổng thông tin thủ tục tàu biển dùng chung và ghi vào Sổ nhật ký trực ban pháp chế thời gian tàu thuyền đó đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh tại CVHHCT.

Phòng Pháp chế, Phòng AT-TTHH phối hợp trao đổi, chia sẻ thông tin về tàu thuyền vừa nhập cảnh, có kế hoạch kiểm tra, giám sát.

Khi có những việc bất thường, vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, thì Trực ban cảng vụ báo cáo Trưởng phòng Pháp chế trình Giám đốc xem xét, giải quyết.

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 8/20</p>
---	--	---

5.2.5. Bước 5: Lưu hồ sơ


Trực ban cảng vụ hoàn chỉnh hồ sơ, chuyển tên tàu thuyền nhập cảnh từ Bảng dự báo tàu đến sang Bảng theo dõi tàu neo đậu trong vùng nước quản lý và để hồ sơ tàu tại nơi quy định của Phòng.

6. BIỂU MẪU


TT	Tên Biểu mẫu	Mã hiệu
1	Thông báo cho tàu đến cảng	BM.PC.02.Mẫu 01-NĐ21
2	Bản khai an ninh tàu biển	BM.PC.02.Mẫu 02-NĐ21
3	Bản khai chung	BM.PC.02.Mẫu 03-NĐ21
4	Danh sách thuyền viên	BM.PC.02.Mẫu 04-NĐ21
5	Danh sách hành khách	BM.PC.02.Mẫu 05-NĐ21
6	Bản khai hàng hoá nguy hiểm	BM.PC.02.Mẫu 07-NĐ21
7	Kế hoạch điều động tàu	BM.PC.02-Mẫu KHĐĐ

7. HỒ SƠ LƯU

STT	Hồ sơ lưu
1	Giấy phép rời cảng
2	Bản khai chung
3	Danh sách thuyền viên
4	Bản khai an ninh tàu biển
5	Danh sách hành khách (nếu có)
6	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p align="center">QUY TRÌNH</p> <p align="center">TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 9/20</p>
---	--	---

<p align="center">7</p>	<p>Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền cho tàu biển nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù (nếu có).</p>
<p align="center">Hồ sơ được lưu tại phòng Pháp chế trong thời hạn 10 năm.</p>	

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 10/20</p>
---	--	--

BM.PC.02.Mẫu 01-NĐ21


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

THÔNG BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)
NOTICE OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)

Tên và loại tàu: Name and type of ship		Cảng đến Port of arrival	Thời gian đến Time of arrival
Số IMO: IMO number			
Hô hiệu: Call sign			
Quốc tịch tàu Flag State of ship	Tên thuyền trưởng Name of master	Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination	
Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners	
Chiều dài lớn nhất LOA	Chiều rộng Breadth	Chiều cao tĩnh không Clearance height	Mớn nước thực tế Shown draft
Tổng dung tích GT	Trọng tải toàn phần DWT	Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)	
Mục đích đến cảng (Quá cảnh đi) Purpose of call (Transit to)			
Số lượng và loại hàng hóa vận chuyển trên tàu Quantity and types of cargoes on board			
Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)	Số hành khách Number of passengers	Ghi chú: Remarks	
Những người khác trên tàu Other persons on board			

....., ngày tháng năm 20...

Date
Thuyền trưởng (hoặc đại lý)
 Master (or authorized agent)

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 11/20</p>
---	--	--


BM.PC.02.Mẫu 02-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI AN NINH TÀU BIỂN
SHIP'S SECURITY NOTIFICATION

1. Tên tàu: Name of Ship		2. Quốc tịch tàu Flag State of ship		3. Hô hiệu Call-Sign	
4. Tổng dung tích Gross tonnage		5. Loại tàu: Type of Ship		6. Số lượng thuyền viên: No.of Crew	
7. Thời gian dự kiến đến cảng: ETA:			8. Số IMO: IMO No.		
9. Mục đích đến cảng: Bốc/Dỡ/Tiếp nhiên liệu/Sửa chữa/Mục đích khác (gạch bỏ từ thích hợp) Purpose of Call: Loading / Discharging / Bunkering / Shipyard / Others (Delete as appropriate) Nếu là mục đích khác nêu rõ: If others, please specify purpose:					
10. Tên khu vực neo đậu hoặc cầu cảng mà tàu sẽ đến: Name of Anchorage or Port Facility your ship in bound for:					
11. Tên Đại lý tàu biển tại Việt Nam: Name of Ship Agent in Vietnam: Tel No: _____ Fax No: _____					
12. Tàu có GCN quốc tế về an ninh tàu biển (ISSC) không? Does your ship possess a valid International Ship Security Certificate (ISSC)? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 13, 14 If answer if 'Yes', give details in Q13 and Q14.					
13. Tên cơ quan cấp ISSC Name of issuing authority for the ISSC					
14. Ngày cấp ISSC Date of issue of the ISSC			15. Ngày ISSC hết hạn: Date of expiry of the ISSC		
16. Cấp độ an ninh hiện tại của tàu: Current security level of the ship					
17. Mười cảng mà tàu đã ghé vào gần nhất, ngày đến, ngày đi và cấp độ an ninh tàu đã áp dụng khi thực hiện giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển: Last 10 ports of call, including arrival / departure dates and the security level at which the ship operated at these ports where it has conducted a ship / port interface					
TT	Cảng Port	Ngày đến Arrival	Ngày đi Departure	Cấp độ an ninh Security Level	

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 12/20</p>
---	--	--

<p>18. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có áp dụng biện pháp an ninh đặc biệt hoặc biện pháp an ninh bổ sung nào không? Were there any special or additional security measures taken during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:</p>	
<p>19. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và tàu biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có duy trì biện pháp an ninh thích hợp không? Were there appropriate ship security measures maintained during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:</p>	
<p>Chữ ký của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Signature of Master/Shipowner/Agent Họ tên của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Name of master/Shipowner/Agent</p>	
<p>Vị trí hiện tại: Vĩ độ.....; Kinh độ:..... Present position: Latitude Longitude</p>	


 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 13/20</p>
---	--	--

BM.PC.02.Mẫu 03-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship:		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number:			
1.3 Hồ hiệu: Call sign:			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number:			
4. Quốc tịch tàu Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng Name of master	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Port, date; number)		6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
9. Tổng dung tích Gross tonnage	10. Dung tích có ích Net tonnage	8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý: Name and contact details of the ship agent	
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi (các cảng trước và các cảng sẽ đến, gạch chân các cảng sẽ dỡ hàng) số hàng còn lại Brief particulars of voyage (previous and subsequent port of call; underline where remaining cargo will be discharged)			
13. Mô tả tóm tắt về hàng hóa Brief description of the cargo			
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú: Remarks	
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản)			


 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 14/20</p>
---	--	--

Attached documents (indicate number of copies)		
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration	
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue receptions facilities
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)	

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng
only on arrival

24. ..., ngày ... tháng ... năm 20...
Date

**Thuyền trưởng (đại lý hoặc sĩ quan
được ủy quyền)**
Master (or authorized agent or officer)

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH	MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 15/20
---	---	--

BM.PC.02.Mẫu 04-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

		Đến Arrival		Rời Departure		Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure			
1.2 Số IMO: IMO number		1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship				5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call			
6. STT No.	7. Họ và tên Family name, given name	8. Chức danh Rank of rating	9. Quốc tịch Nationality	10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	11. Loại và Số Hộ chiếu Nature and No. of identity documents (seaman's passport)		

....., ngày tháng Năm 20 ...
Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)



VINAMARINE
CẢNG VỤ HÀNG HẢI
CẦN THƠ

QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU
THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH

MS: QT.PC.02
Lần ban hành: 01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 16/20

BM.PC.02.Mẫu 07-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number			2. Quốc tịch tàu Flag state of ship			1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name			
1.3 Hô hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading			4. Cảng trả hàng Port of discharge			1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS
Thông tin bổ sung: Additional Information											




VINAMARINE
CẢNG VỤ HÀNG HẢI
CẦN THƠ

QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU
THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH

MS: QT.PC.02
Lần ban hành: 01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 17/20

19.1 Đại lý ký Agent's signature	18.1 Thuyền trưởng ký Master's signature
19.2 Địa điểm và thời gian Place and Date	18.2 Địa điểm và thời gian Place and Date

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.02 Lần ban hành: 01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 18/20</p>
--	--	--

BM.PC.02.Mẫu 05-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

PASSENGER LIST

		Đến Arrival		Rời Departure		Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure				
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
5. Họ và tên Family name, given name	6. Quốc tịch Nationality	7. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	8. Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	9. Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document	10. Cảng lên tàu Port of embarkation	11. Cảng rời tàu Port of disembarkation	12. Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày ... tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)



VINAMARINE
CẢNG VỤ HÀNG HẢI
CẦN THƠ

QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN VIỆT NAM VÀ TÀU
THUYỀN NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH

MS: QT.PC.02
Lần ban hành: 01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 20/20

3. Tàu दौर:

STT	Tên tàu	N Đ	Quốc tịch	GRT	DWT	Chiều dài	Món nước	Loại hàng hóa	Vị trí neo đậu		Dự kiến rời Cần Thơ	P.O.B	Hoa tiêu	Ghi chú/ Đại lý
									từ	đến				
1														
2														
...														

Ghi chú:

- Dấu (*) trong cột Tên tàu là chú thích cho những tàu chạy đêm.
- Nếu thực tế điều động tàu sai khác với kế hoạch dự kiến này thì người làm thủ tục và Công ty Hoa tiêu (hoặc Hoa tiêu dẫn tàu) phải thông báo cho Trục ban cảng vụ biết rõ lý do trước khi điều động.
- Kế hoạch lập lúc ... ngày ... tháng ... năm 20....

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH
TRỤC BAN CẢNG VỤ

NGƯỜI DUYỆT KẾ HOẠCH
TL.GIÁM ĐỐC